

Tai mũi họng YHCT - hubt

Các bệnh về tai có quan hệ nhiều đến tạng phủ sau:

- A. Thận, can, đởm, tâm
- C. Thận, tỳ, tiểu trường, đởm
- * B. Thận, can, đởm, tam tiêu
- D. Thận, bàng quang, đởm, can

Theo y học cổ truyền triệu chứng hay gặp trong các bệnh của tai là :

- B. Đau tai, chảy máu tai, nghe kém và ù tai
- C. Đau tai, ù tai điếc tai, chảy mủ tai và chảy máu tai
- * A. Đau tai, chảy mủ tai, ù tai điếc tai và chóng mặt
- D. Chảy máu tai, chóng mặt, nghe kém và điếc tai

Bệnh nhân mới bị bệnh có các triệu chứng: đau tai, mức độ đau nhẹ, tai cảm giác tức, thính lực giảm, màng nhĩ hơi đỏ hoặc bình thường. Nguyên nhân là do:

- A. Phong thấp nhiệt xâm phạm vào phần biểu
- B. Phong nhiệt độc xâm phạm vào phần biểu
- D. Phong thấp nhiệt xâm phạm vào can kinh
- * C. Phong nhiệt tà xâm phạm vào phần biểu

Bệnh nhân bị bệnh lâu ngày có các triệu chứng: Tai đau nhẹ, chảy mủ, màng nhĩ có lỗ thủng, thính lực giảm nhiều, người mệt mỏi, ăn kém là do:

- B. Thận âm hư kiêm tỳ hư
- * D. Tỳ khí hư kiêm thấp trọc đình trệ
- C. Tỳ khí hư hạ hãm
- A. Can đởm thấp nhiệt

Ù tai xuất hiện đột ngột, âm thanh to, thính lực giảm là do:

- B. Can đởm nhiệt thịnh
- * A. Hỏa của can đởm thượng nghịch
- C. Hỏa độc nội công tâm bào
- D. Phong nhiệt tà thịnh

Tai có tiếng ù như ve kêu là do

- D. Tỳ khí hư nhược
- B. Can đởm nhiệt thịnh
- * A. Can thận hư tổn

- C. Can khí uất kết

Bệnh danh của bệnh viêm tai giữa cấp mủ là:

- A. Nhĩ môn
- * C. Nhĩ nùng
- D. Nhĩ cam
- B. Nhĩ đỉnh

Theo Y học cổ truyền nguyên nhân gây bệnh viêm tai giữa cấp mủ là:

- A. Phong thấp
- * D. Phong nhiệt, nhiệt độc
- B. Phong nhiệt
- C. Nhiệt độc

Pháp điều trị viêm tai giữa cấp là :

- B. Sơ phong trừ thấp ở can đởm
- C. Thanh nhiệt giải độc hoặc trừ thấp ở can đởm
- * D. Sơ phong thanh nhiệt hoặc trừ thấp ở can đởm
- A. Sơ phong thanh nhiệt trừ thấp ở can đởm

Bài thuốc dùng để điều trị bệnh viêm tai giữa cấp là:

- * B. Sài hồ thanh can thang gia giảm
- C. Tiêu giao tán gia giảm
- D. Sài hồ sơ can thang gia giảm
- A. Ngân kiều tán gia giảm

Vị thuốc nào sau đây thường dùng để chế thuốc nhỏ tai điều trị bệnh Viêm tai giữa cấp

- * B. Hoàng liên
- C. Cỏ nhọ nổi
- D. Diếp cá
- A. Hoàng đằng

Theo Y học cổ truyền bệnh viêm tai giữa mạn tính có liên quan đến các tạng phủ:

- D. Tỳ, Phế, Thận
- A. Can, Phế, Thận
- * C. Can, Thận, Tỳ
- B. Can, Đởm, Thận

Pháp điều trị bệnh viêm tai giữa mạn tính thể can kinh thấp nhiệt là:

- D. Thanh can lợi thủy
- B. Thanh can tiết nhiệt giải độc
- A. Thanh can tiết nhiệt

- * C. Thanh can lợi thấp

Tai đau nhức, chảy mủ đặc, dính hôi, lượng nhiều là triệu chứng của bệnh viêm tai giữa mạn tính thể:

- * D. Can kinh thấp nhiệt
- B. Thận âm hư
- C. Can đởm thấp nhiệt
- A. Tỳ thận lưỡng hư

Bài thuốc điều trị bệnh viêm tai giữa mạn tính thể can kinh thấp nhiệt là :

- D. Tiêu giao tán gia giảm
- * C. Long đởm tả can thang gia giảm
- A. Sài hồ thanh can thang gia giảm
- B. Sài hồ sơ can thang gia giảm

Bột thuốc thổi vào tai điều trị bệnh viêm tai giữa mạn tính gồm các vị Hoàng liên 16g, Bằng sa 1,2g và

- * D. Bằng phiến 0,6g
- C Bằng toan 0,6g
- A. Xác rắn 4g
- B. Xác trăn 4g

Công thức huyết chung điều trị bệnh viêm tai giữa mạn tính là Ế phong,Thính cung và huyết:

- C. Nhĩ tiêm
- D. Hợp cốc
- A. Nhĩ môn
- * B. Thính hội

Bệnh ù tai điếc tai liên quan đến tạng phủ nào:

- B. Can
- C. Tỳ
- A. Tâm
- * D. Tỳ và can

Bệnh danh của bệnh ù tai là:

- * B. Nhĩ minh
- D. Nhĩ cam
- A. Nhĩ lung
- C. Nhĩ đình

Nguyên nhân gây bệnh ù tai điếc tai hay gặp là:

- D. Phong thấp nhiệt

- * C. Phong nhiệt
- A. Phong thấp
- B. Phong hàn

Bệnh ù tai điếc tai thể phong nhiệt xâm nhập có triệu chứng:

- C. Tai căng nặng, tắc tị
- D. Tai căng đau tức
- B. Tai căng đau, tắc tị
- * A. Tai căng tức, tắc tị

Pháp điều trị bệnh ù tai điếc tai thể phong nhiệt xâm nhập là:

- C. Sơ phong thanh nhiệt giải độc
- A. Sơ tán phong nhiệt tà
- * B. Sơ phong thanh nhiệt tán tà
- D. Sơ phong thanh nhiệt trừ thấp

Bài thuốc điều trị ù tai điếc tai thể phong nhiệt là:

- D. Ngũ vị tiêu độc ẩm
- B. Hoàng liên giải độc thang
- A. Tang cúc ẩm
- * C. Ngân kiều tán

Công thức huyệt điều trị ù tai điếc tai thể phong nhiệt là:

- B. Phong trì, Thượng tinh, Hợp cốc,
- D. Thượng tinh, Nghinh hương, Ấn đường
- A. Nhĩ môn, Thính cung, thính hội
- * C. Thượng tinh, Nghinh hương, Hợp cốc

Bệnh nhọt ống tai ngoài có triệu chứng:

- B. Sốt, không đau đầu
- D. Sốt cao, đau đầu nhiều
- C. Không sốt, đau đầu
- * A. Sốt, đau đầu

Tính chất đau tai của bệnh nhọt ống tai ngoài là:

- D. Đau tăng khi chườm nóng
- C. Đau tăng khi lao động
- * B. Đau tăng khi nhai ngáp
- A. Đau tăng khi nghỉ ngơi

Khi nhọt ống tai ngoài mới tấy đỏ nên điều trị bằng cách:

- * A. Chườm nóng

- B. Chườm lạnh
- D. Chấm Oxy già
- C. Bôi cao sao vàng

Nguyên nhân gây nhọt ống tai ngoài là:

- C. Thấp nhiệt
- * D. Xây sát
- B. Phong hàn
- A. Phong nhiệt

Bệnh danh bệnh nhọt ống tai ngoài là :

- A. Nhĩ minh
- B. Nhĩ cam
- * C. Nhĩ đinh
- D. Nhĩ nùng

Bệnh lý của mũi có quan hệ chặt chẽ với các tạng phủ sau:

- C. Phế, Tâm bào
- * A. Phế, Tỳ
- D. Phế, Đại trường
- B. Phế, Vị

Y học cổ truyền chia thuốc uống điều trị các bệnh về mũi thành:

- C. 7 nhóm
- * A. 8 nhóm
- B. 6 nhóm
- D. 5 nhóm

Bài thuốc có tác dụng phương hương thông khiếu điều trị bệnh mũi có tên là:

- * B. Thương nhĩ tử tán
- D. Thông nhĩ tán
- A. Thông xoang tán
- C. Thông khí tán

Bệnh mũi do hỏa nhiệt tà mạnh ở bên trong gây nên điều trị thường dùng bài thuốc:

- * C. Hoàng liên giải độc thang
- B. Tang cúc ẩm gia giảm
- A. Ngân kiều tán gia giảm
- D. Ngũ vị tiêu độc ẩm

Vị thuốc thường dùng để chế thành thuốc nhỏ mũi là:

- * B. Tân di

- C. Kinh giới
- A. Kế đầu ngựa
- A. Tế tân

Các bệnh cấp tính thực nhiệt ở mũi hay có quan hệ với các tạng phủ:

- D. Phế, Thận, Tỳ
- A. Phế, Đởm, Thận
- B. Phế, Thận, Bàng Quang
- * C. Phế, Tỳ, Đởm

Các huyệt Nhĩ châm thường dùng để điều trị bệnh về mũi là:

- D. Phế, Má, Mũi
- A. Thận, Phế, Má
- * C. Phế, Má, Mũi trong
- B. Thận, Phế, Trán

Triệu chứng mũi sưng đỏ cả trong và ngoài, nước mũi vàng đặc thường do nguyên nhân:

- B. Thấp nhiệt ở thượng tiêu
- C. Thấp nhiệt ở can đởm
- * D. Thấp nhiệt ở tỳ vị
- A. Thấp nhiệt ở tiểu trường

Niêm mạc mũi bị hủy hoại, khô teo hết là do:

- D. Phế tỳ hư
- * A. Phế âm hư
- B. Âm hư
- C. Can thận hư

Bệnh cấp tính, mũi chảy máu đỏ tươi, lượng ít thường do:

- C. Phế tỳ nhiệt
- D. Can dương thượng kháng
- B. Can hỏa vượng
- * A. Phong nhiệt

Y học cổ truyền chia viêm mũi cấp thành mấy thể:

- A. 3 thể
- * C. 2 thể
- B. 4 thể
- D. 1 thể

Viêm mũi cấp thể phong hàn có triệu chứng:

- * D. Ngạt mũi không nặng lắm

- C. Không ngạt mũi
- A. Ngạt mũi nhiều
- B. Ngạt mũi ít

Pháp điều trị viêm mũi cấp thể phong hàn là:

- D. Tân lương thông khiếu, sơ phong
- A. Tân ôn thông khiếu, sơ phong
- * B. Tân ôn thông khiếu, sơ tán phong hàn
- C. Tân lương thông khiếu, sơ tán phong hàn

Bài thuốc điều trị viêm mũi cấp tính thể phong hàn là:

- D. Thông khí thang gia giảm
- B. Quế chi thang gia giảm
- * C. Thông khiếu thang gia giảm
- A. Ôn phế chỉ lưu đan gia giảm

Vị thuốc dùng để tán bột thổi vào mũi điều trị viêm mũi cấp thể phong hàn là:

- C. Ké đầu ngựa
- A. Tế tân
- D. Thạch xương bồ
- * B. Tân di hoa

Công thức huyết điều trị viêm mũi cấp thể phong hàn là:

- B. Nghinh hương, Ấn đường, Hợp cốc, Thái dương, Phong môn
- C. Nghinh hương, Ấn đường, Hợp cốc, Thái dương, Bách hội
- D. Nghinh hương, Ấn đường, Hợp cốc, Thượng tinh, Bách hội
- * A. Nghinh hương, Ấn đường, Hợp cốc, Thái dương, Phong trì

Bệnh danh của viêm mũi mạn tính là:

- A. Ty cửu
- * B. Ty chất
- D. Ty tý
- C. Ty thống

Theo Y học cổ truyền triệu chứng cơ năng chính của bệnh viêm mũi mạn tính là:

- D. Chảy nước mũi
- * C. Ngạt mũi
- B. Nhức đầu
- A. Ngủ kém

Viêm mũi mạn tính liên quan đến tạng phủ:

- B. Tỳ tâm

- D. Tỳ vị
- * C. Tỳ phế
- A. Tỳ thận

Viêm mũi mạn tính thể phế tỳ khí hư, độc tà ú trệ có triệu chứng:

- C. Mũi tắc liên tục, chảy nước mũi
- D. Mũi tắc liên tục, chảy nước mũi trong
- * A. Mũi luân phiên nhau tắc, chảy nước mũi
- B. Mũi tắc liên tục, chảy nước mũi vàng

Pháp điều trị viêm mũi mạn tính thể phế tỳ khí hư trong đó phế khí hư là chính là:

- B. Ôn phế bổ tỳ, khu phong tán hàn
- C. Bổ phế, khu phong tán hàn
- * D. Bổ phế ích khí, khu phong tán hàn
- A. Ôn bổ phế khí, khu phong tán hàn

Bài thuốc điều trị viêm mũi mạn tính thể phế tỳ khí hư, độc tà ú trệ trong đó phế khí hư nhiều là:

- C. Tứ quân thang gia giảm
- * B. Ôn phế chỉ lưu đan gia giảm
- A. Quy tỳ thang gia giảm
- D. Ôn phế thang gia giảm

Trong bệnh viêm mũi mạn tính thể phế tỳ khí hư, độc tà ú trệ do phế không phân bố

- được tân dịch, tích lại rồi hóa đàm khiến cho phế khí nghịch gây:
- B. Ngạt mũi
- * A. Ho
- D. Chảy mũi
- C. Khó thở

Bệnh danh bệnh viêm mũi dị ứng là:

- * B. Tỵ cửu
- D. Tỵ nhãn
- C. Tỵ chất
- A. Tỵ uyên

Nguyên nhân gây bệnh viêm mũi dị ứng là:

- * C. Phong hàn
- D. Phong hàn thấp
- A. Phong nhiệt
- B. Phong thấp nhiệt

Bệnh viêm mũi dị ứng có biểu hiện:

- A. Thực chứng
- D. Nhiệt chứng
- * B. Hư chứng
- C. Hư thực thác tạt

Pháp điều trị bệnh viêm mũi dị ứng là:

- B. Bổ phế khí sơ phong tán hàn
- C. Bổ khí trừ hàn, khu phong
- * D. Bổ khí cố biểu, khu phong tán hàn
- A. Khu phong tán hàn, bổ khí

Bài thuốc điều trị viêm mũi dị ứng là:

- D. Quế chi hợp tứ vật thang gia giảm
- A. Quế chi hợp tứ quân thang gia giảm
- B. Ma hoàng hợp tứ vật thang gia giảm
- * C. Ngọc bình phong tán hợp quế chi thang gia giảm

Pháp điều trị viêm xoang nhiễm khuẩn cấp tính là:

- C. Thanh phế tiết nhiệt, phát tán phong nhiệt
- * D. Thanh phế tiết nhiệt giải độc, phát tán phong nhiệt
- A. Thanh phế giải độc, phát tán phong nhiệt
- B. Phát tán phong nhiệt, giải độc

Bài thuốc điều trị viêm xoang nhiễm khuẩn cấp tính là:

- * B. Tân di thanh phế ẩm gia giảm
- D. Ma hạnh thạch cam thang gia giảm
- C. Tang cúc ẩm gia giảm
- A. Ngân kiều tán gia giảm

Nguyên nhân gây viêm xoang nhiễm khuẩn là:

- * A. Nhiệt độc
- B. Thử thấp
- C. Phong thấp nhiệt
- D. Thấp nhiệt

Triệu chứng của viêm xoang nhiễm khuẩn cấp tính theo y học cổ truyền là:

- D. Ngủ kém, ngạt mũi
- C. Ngạt mũi, chảy mũi trong
- * B. Ngạt mũi, chảy mũi màu vàng
- A. Ngứa mũi, chảy mũi.

Công thức huyết điều trị viêm xoang nhiễm khuẩn là: Đầu duy, Thái dương, Ấn đường, Thừa khấp, Quyền liêu, Hợp cốc, Khúc trì và:

- A. Nội quan
- * C. Nội đình
- D. Ngoại quan
- B. Thái xung

Bài thuốc Tân di thanh phế ẩm gia giảm điều trị viêm xoang nhiễm khuẩn cấp gồm các vị: Tân di, Tri mẫu, Sơn chi, Hoàng cầm, Thạch cao, Kim ngân, Diếp cá và:

- A. Sa sâm
- D. Chi tử
- C. Hoàng liên
- * B. Mạch môn

Hầu hống có chức năng:

- C. Phát âm
- * D. Ăn uống, hô hấp và phát âm
- A. Ăn uống
- B. Hô hấp

Bệnh của hầu hống có quan hệ với các tạng phủ:

- C. Phế, Tâm, Thận
- B. Phế, Tỳ, Đởm
- * A. Phế, Tỳ, Can
- D. Phế, Tâm, Tỳ

Độc tà gây bệnh cho hầu hống chủ yếu là:

- C. Thấp nhiệt
- A. Phong hàn
- * B. Phong nhiệt
- D. Phong thấp

Nguyên nhân gây bệnh cấp tính ở hầu hống là:

- * C. Tỳ vị nhiệt thịnh
- D. Tỳ vị hư hàn
- A. Tỳ khí hư nhược
- B. Tỳ hư kèm thấp

Nguyên nhân hay gây bệnh ở hầu hống là:

- B. Can thận hư
- C. Can tỳ bất hòa

- * D. Can khí uất kết
- A. Can dương vượng

Bệnh danh của viêm họng là:

- A. Nha tý
- C. Nha cam
- * B. Hầu tý
- D. Hầu ty

Theo Y học cổ truyền bệnh viêm họng cấp tính có triệu chứng:

- B. Họng đỏ nhẹ, khô, nóng, rát
- A. Họng sưng nề, đau, khô rất
- * D. Họng đỏ, nóng, khô và rát
- C. Họng đỏ, khô và đau

Pháp điều trị bệnh viêm họng cấp tính là:

- C. Sơ phong thanh nhiệt, lợi thấp
- * D. Sơ phong thanh nhiệt, hóa đờm
- A. Sơ phong thanh nhiệt, trừ thấp
- B. Thanh nhiệt trừ thấp, hóa đàm

Bài thuốc điều trị bệnh viêm họng cấp tính là:

- D. Bổ phế chỉ khái lộ
- * B. Ngân kiều tán gia giảm
- A. Ngũ vị tiêu độc ẩm gia giảm
- C. Ma hạnh thạch cam thang

Công thức huyết điều trị viêm họng cấp là:

- * C. Thiên đột, Hợp cốc, Liệt khuyết, Khúc trì
- A. Thiên đột, Phong trì, Phong long, Hợp cốc
- B. Thiên đột, Phong trì, Hợp cốc, Khúc trì
- D. Thiên đột, Phong long, Túc tam lý, Hợp cốc

Bệnh danh của viêm Amidan mạn tính là:

- D. Hư hỏa hầu nga
- * C. Hư hỏa nhũ nga
- B. Hầu nga phong nhiệt
- A. Phong nhiệt nhũ nga

Bệnh nhân sợ lạnh, sốt, nhức đầu, amidan sưng đỏ, họng đau, đầu lưỡi đỏ, rêu trắng mỏng, mạch phù hoạt sắc là triệu chứng của bệnh viêm Amidan thể:

- * C. Cấp tính thể nhẹ

- A. Cấp tính
- B. Mạn tính
- D. Cấp tính thể nặng.

Pháp điều trị bệnh viêm Amidan cấp tính thể nặng là:

- D. Thanh nhiệt giải độc ở phế vị, khu phong.
- A. Sơ phong thanh nhiệt giải độc, hoạt huyết
- C. Thanh nhiệt giải độc ở phế tỳ, hoạt huyết trừ mủ.
- * B. Thanh nhiệt giải độc ở phế vị, hoạt huyết trừ mủ.

Bài thuốc gồm các vị: Sa sâm, mạch môn, xạ can, huyền sâm, tang bạch bì

- A. Viêm A cấp tính
- * B. Viêm A mạn tính
- D. Viêm A cấp tính thể nhẹ
- dùng để điều trị bệnh:
- C. Viêm A cấp tính thể nặng

Công thức huyết điều trị bệnh viêm Amidan cấp là: Thiên đột, Hợp cốc,

- A. Quyển liêu
- D. Liệt khuyết
- Khúc trì và:
- B. Thừa khấp
- * C. Giáp xa